TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẠM TẤU** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày: 25-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giàng A Dì;

2. Ông Trần Bình Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ A Say - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; trụ sở đóng tại tổ dân phố số 2, thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Thào Thi L, sinh năm 1973 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Thào A L (đã chết) và con bà Hờ Thị P, sinh năm 1936; có chồng là Mùa A C, sinh năm 1975 và có 05 con; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 09-02-2020; "Có mặt".

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vương Văn Đ- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

Cứ Thị D, sinh năm 1965; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

Mùa A C, sinh năm 1975; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

+ Người chứng kiến:

Anh Mùa A D, sinh năm 1975; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

+ *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A C - Cán bộ Trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 20 giờ 00 phút, ngày 08-02-2020 tại nhà Thào Thị L thuộc thôn T, xã T, huyện T; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Thào Thị L đang có hành vi chuẩn bị sử dụng thuốc phiện (ma túy), tại giường ngủ; thu giữ cạnh bàn đèn, nơi L nằm hút thuốc phiện 01 *(một)* gói giấy màu trắng, trong gói giấy là 01 *(một)* mảnh nilon màu trắng, bên trong có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen. Thào Thị L khai nhận gói chất nhựa dẻo màu nâu đen Công an thu giữ của L là thuốc phiện, L đã mua của một người phụ nữ dân tộc Thái, ở khu vực xã P, thị xã N vào sáng ngày 08-02-2020, với giá 100.000 đồng; mục đích bị cáo mua thuốc phiện để sử dụng, khi đang chuẩn bị sử dụng thì bị bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 33/GĐMT ngày 16-02-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận:

Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ khi bắt quả tang Thào Thị L có khối lượng là 2,02 *(hai phẩy không hai)* gam, là thuốc phiện.

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-TT ngày 15-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, truy tố Thào Thị L về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Thào Thị L khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ thuốc phiện mà bị cáo đã thực hiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Thào Thị L phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thào Thị L từ 01 *(một)* năm đến 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 *(một)* vỏ phong bì, đã mở niêm phong, bên trong phong bì có 01 mảnh giấy màu trắng, nilon gói; 01 *(một)* bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo L phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Bị cáo Thào Thị L là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; mục đích tàng trữ để sử dụng cho cá nhân bị cáo; bị cáo không có tài sản có giá trị, thuộc diện hộ nghèo của xã. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thào Thị L phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Thào Thị L 01 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Bị cáo nhất trí với lời bào chữa; không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 20 giờ 00 phút, ngày 08-02-2020 tại nhà Thào Thị L thuộc thôn T, xã T, huyện T; Thào Thị L có hành vi cất giữ bất hợp pháp 2,02 *(hai phẩy không hai)* gam thuốc phiện, cạnh bàn đèn, nơi bị cáo đang nằm hút thuốc phiện. Mục đích bị cáo cất giữ thuốc phiện là để sử dụng, khi đang chuẩn bị sử dụng thì bị bắt quả tang.

Bị cáo Thào Thị L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc cất giữ bất hợp pháp thuốc phiện (ma túy) để sử dụng là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma tuý đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy bất hợp pháp của bản thân. 2,02 gam thuốc

phiện mà bị cáo tàng trữ đã đủ về khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo L thực hiện, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Thào Thị L thực hiện đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi bị bắt và tại phiên tòa, bị cáo L đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Nhân thân: Bị cáo Thào Thị L là người thường xuyên sử dụng ma túy, nên xác định bị cáo là người có nhân thân không tốt tại địa phương.

[6] Từ những đánh giá về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cai nghiện; đồng thời giáo dục riêng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo L không có tài sản gì có giá trị, gia đình thuộc diện hộ nghèo của xã, hiện còn nợ Ngân hàng 50.000.000 đồng. Nên, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Vật chứng:

Đối với: 2,02 gam thuốc phiện Cơ quan điều tra đã sử dụng hết vào việc giám định, nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với: 01 *(một)* vỏ phong bì, đã mở niêm phong, bên trong phong bì có 01 mảnh giấy màu trắng, nilon gói; 01 *(một)* bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện. Đây là những vật bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội và những vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[9] Án phí và các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ dân tộc Thái là người bị cáo L khai đã bán thuốc phiện cho bị cáo. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Thào Thị L phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thào Thị L 01 *(một)* năm 03 *(ba)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09-02-2020.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 *(một)* vỏ phong bì, đã mở niêm phong, bên trong phong bì có 01 mảnh giấy màu trắng, nilon gói; 01 *(một)* bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo L phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Chi cụ thuế Nghĩa Văn Trạm Tấu;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã T (TB)
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân